

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN ĐƯỚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Huỳnh Kim Sơn

2. Ông Nguyễn Thành

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Huỳnh Khánh TR, sinh năm 1984, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện M, tỉnh V, tạm trú: khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B, có mặt.

***Bị đơn:*** Chị Trần Thị Thu TH, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo lời trình bày của nguyên đơn anh Huỳnh Khánh TR cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Anh TR và chị TH cưới nhau ngày 14/01/2009, vợ chồng anh thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 09/02/2009. Hôn nhân của vợ chồng anh là tự nguyện, có tìm hiểu nhau được hai năm trước khi kết hôn. Tuy nhiên, khi vợ chồng về chung sống với nhau thì chỉ hạnh phúc được một năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị TH không cho anh TR tiếp xúc với bạn bè, người trong gia đình, làm cho anh TR cảm thấy cuộc sống bị gò bó, ngột ngạt. Trước khi kết hôn, chị TH không có ngăn cản anh TR tiếp xúc với người khác như vậy. Mặc dù, anh TR có tìm cách giải thích cho chị TH hiểu, nhưng chị TH vẫn không thay đổi. Đến ngày 15/8/2012, anh TR không thể chịu đựng được nữa nên đã bỏ đi và sống ly thân với chị TH cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh TR cũng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Anh TR xác định anh không còn tình

cảm vợ chồng với chị TH nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị TH.

Về con chung, vợ chồng anh có 01 người chung tên Huỳnh Ngọc Bảo T sinh ngày 31/10/2009. Trong suốt thời gian ly thân, cháu T sống với chị TH nên anh TR đồng ý giao cho chị TH tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, anh TR đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh TR và chị TH không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đối với bị đơn chị Trần Thị Thu TH, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị TH nhưng chị TH không đến Tòa án để giải quyết vụ án, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của anh TR.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: anh Huỳnh Khánh TR khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thu TH, chị TH có nơi cư trú tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Trần Thị Thu TH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị TH.

[2] Về hôn nhân: anh Huỳnh Khánh TR và chị Trần Thị Thu TH có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 09/02/2009, nên xác định hôn nhân giữa anh TR và chị TH là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh TR cho rằng thời gian chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh TR là do chị TH không cho anh TR tiếp xúc với bạn bè và người trong gia đình, làm cho anh TR cảm thấy cuộc sống bị gò bó, ngột ngạt. Mặc dù, anh TR có giải thích cho chị TH hiểu nhưng chị TH vẫn không thay đổi. Đến ngày 15/8/2012, anh TR không chịu nổi nữa nên đã bỏ nhà ra đi và không sống chung với chị TH từ đó cho đến nay. Anh TR nhận thấy không còn tình cảm với chị TH nên nộp đơn yêu cầu được ly hôn với chị TH. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị TH nhưng chị TH không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia hòa giải, không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh TR. Trong thời gian qua, giữa anh TR và chị TH không tìm được phương án hiệu quả nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tại phiên tòa, anh TR vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị TH. Hội đồng xét xử xét thấy cả anh TR và chị TH đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa anh TR và chị TH không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh TR đối với chị TH.

[3] Về con chung: Anh TR và chị TH có con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T sinh ngày 31/10/2009. Trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu T sống với chị TH đã ổn định, nên anh TR đồng ý giao cho chị TH tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần. Anh TR tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh TR xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, chị TH không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh TR phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Khánh TR về việc yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thu TH .

1. Về hôn nhân: Anh Huỳnh Khánh TR được ly hôn với chị Trần Thị Thu TH.

2. Về con chung: chị Trần Thị Thu TH được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo T sinh ngày 31/10/2009. Anh Huỳnh Khánh TR có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ ngày 16/7/2020 cho đến khi cháu Trần đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Khánh TR phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh TR đã nộp theo biên lai thu số 0008270 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đức, anh TR còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Võ Thu Xuân**